

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN - KỸ THUẬT ĐIỀU DƯỠNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1		
					TB Môn	KQ1	
1	2213360089	Nguyễn Thị Kim	Anh	02/01/1989	02YS14D1	4.7	Đạt
2	2213240068	Trương Thị Ngọc	Ánh	29/10/2000	02YS14B1	5.2	Đạt
3	2203240146	Huỳnh Thị Ngọc	Bích	15/11/1988	02YS14B1	0.0	Học lại
4	2213360174	Phan Thiện	Bửu	13/06/1989	02YS14D1	4.9	Đạt
5	2213360077	Thái Thị Hoàng	Châu	28/03/1989	02YS14D1	0.5	Học lại
6	2213360314	Nguyễn Quang	Chiêu	18/02/1992	02YS14D1	1.6	Học lại
7	2213180029	Vũ Thành	Công	20/11/1996	02YS14B1	6.5	Đạt
8	2213240040	Nguyễn Hồ	Cương	11/11/1995	02YS14B1	5.4	Đạt
9	2213240026	Nguyễn Văn	Cường	14/07/2002	02YS14B1	5.1	Đạt
10	2213180036	Kiều Công	Danh	12/11/1985	02YS14B1	6.7	Đạt
11	2213180032	Nguyễn Thị Thùy	Dung	03/04/1993	02YS14B1	1.2	Học lại
12	2213180028	Từ Hải	Dương	20/09/1996	02YS14B1	7.2	Đạt
13	2213180019	Trần Quốc	Duy	03/10/1998	02YS14B1	5.4	Đạt
14	2213360050	Phạm Mỹ	Duyên	04/12/2001	02YS14D1	1.7	Học lại
15	2213360269	Y Mut	Êban	04/06/1991	02YS14D1	5.0	Đạt
16	2213180045	Nguyễn Hoàng Ngân	Giang	26/12/1999	02YS14B1	3.4	Thi lại
17	2213240177	Trương Thị Thúy	Hà	07/01/2000	02YS14B1	1.1	Học lại
18	2213360303	Cao Thanh	Hải	03/07/1990	02YS14D1	5.6	Đạt
19	2213240028	Trần Phúc	Hậu	13/02/1996	02YS14B1	5.8	Đạt
20	2213240062	Trần Văn	Hậu	26/06/2001	02YS14B1	5.7	Đạt
21	2213360369	Huỳnh Thị Kim	Hồng	22/11/1994	02YS14D1	5.2	Đạt
22	2213240208	Nguyễn Văn	Huân	21/10/1993	02YS14B1	1.3	Học lại
23	2213240100	Trần Thanh	Hùng	18/12/2001	02YS14B1	5.0	Đạt
24	2203360136	Lý Phát	Hưng	28/08/1984	02YS14D1	4.6	Đạt
25	2213240083	Nguyễn Ngọc	Hương	11/10/1995	02YS14B1	6.0	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN - KỸ THUẬT ĐIỀU DƯỠNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
26	1213180013	Trần Hải Lâm	08/08/1999	02YS14B1	1.6	Học lại
27	2213180046	Nguyễn Mạnh Lâm	25/10/1989	02YS14B1	6.8	Đạt
28	2213180030	Trần Thị Thanh Lan	08/08/1993	02YS14B1	9.1	Đạt
29	2213180033	Phạm Thị Thùy Linh	05/04/1980	02YS14B1	4.8	Đạt
30	2213180035	Nguyễn Phạm Duy Linh	27/06/1991	02YS14B1	6.7	Đạt
31	2213180062	Bùi Văn Lý	21/11/1987	02YS14B1	5.1	Đạt
32	2213240174	Vũ Thị Quỳnh Nga	30/09/1996	02YS14B1	1.1	Học lại
33	2213180021	Trần Đình Nghị	30/03/1990	02YS14B1	7.6	Đạt
34	2213240085	Phạm Hồng Ngọc	15/03/1993	02YS14B1	5.1	Đạt
35	2213240111	Đồng Xuân Nhi	07/04/1997	02YS14B1	5.1	Đạt
36	2213180037	Phạm Thị Tuyết Nhung	10/05/1984	02YS14B1	5.6	Đạt
37	2213240179	Đinh Hữu Pháp	13/03/1996	02YS14B1	4.9	Đạt
38	2213360040	Lý Minh Phụng	01/05/1998	02YS14D1	4.3	Đạt
39	2213360296	Lê Ngọc Anh Phụng	21/03/1998	02YS14B1	0.0	Học lại
40	2213240190	Nay Suna	24/05/1993	02YS14B1	5.5	Đạt
41	2213240098	Nguyễn Thành Tâm	28/12/1993	02YS14B1	4.7	Đạt
42	2213180065	Trần Hoài Tâm	24/12/1994	02YS14B1	4.8	Đạt
43	2213240002	Phạm Minh Tân	27/10/1997	02YS14B1	4.5	Đạt
44	2213180017	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	23/10/1980	02YS14B1	5.3	Đạt
45	2213180041	Trần Trung Thịnh	20/05/1988	02YS14B1	5.5	Đạt
46	2213240171	Nhữ Văn Thọ	24/04/2003	02YS14B1	1.4	Học lại
47	2213360327	Võ Duy Thoại	22/06/1995	02YS14D1	4.1	Đạt
48	2213240133	Phạm Thị Mỹ Thur	20/11/2003	02YS14B1	0.5	Học lại
49	2213180013	Nguyễn Văn Thuận	20/06/1997	02YS14B1	5.6	Đạt
50	2213360057	Lê Thị Thủy	10/10/1999	02YS14D1	6.1	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2

MÔN: ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN - KỸ THUẬT ĐIỀU DƯỠNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1		
					TB Môn	KQ1	
51	2213240109	Triệu Ngân	Thủy	15/04/1992	02YS14B1	6.6	Đạt
52	2213240059	Phạm Quang	Trung	27/02/1988	02YS14B1	2.5	Thi lại
53	2213240093	Đinh Ngọc	Trường	14/10/1999	02YS14B1	4.7	Đạt
54	2213240176	Hà Xuân	Trường	18/07/1994	02YS14B1	4.5	Đạt
55	2213180040	Võ Anh	Văn	18/12/1982	02YS14B1	7.0	Đạt
56	2213180050	Lê Trọng	Vinh	18/03/1988	02YS14B1	6.1	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2

MÔN: Y HỌC CƠ SỞ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2213360089	Nguyễn Thị Kim Anh	02/01/1989	02YS14D1	8.0	Đạt
2	2213240068	Trương Thị Ngọc Ánh	29/10/2000	02YS14B1	5.2	Đạt
3	2203240146	Huỳnh Thị Ngọc Bích	15/11/1988	02YS14B1	1.0	Học lại
4	2213360174	Phan Thiện Bửu	13/06/1989	02YS14D1	5.0	Đạt
5	2213360077	Thái Thị Hoàng Châu	28/03/1989	02YS14D1	1.2	Học lại
6	2213360314	Nguyễn Quang Chiêu	18/02/1992	02YS14D1	1.1	Học lại
7	2213180029	Vũ Thành Công	20/11/1996	02YS14B1	9.7	Đạt
8	2213240040	Nguyễn Hồ Cương	11/11/1995	02YS14B1	6.4	Đạt
9	2213240026	Nguyễn Văn Cường	14/07/2002	02YS14B1	8.6	Đạt
10	2213180036	Kiều Công Danh	12/11/1985	02YS14B1	9.2	Đạt
11	2213180032	Nguyễn Thị Thùy Dung	03/04/1993	02YS14B1	2.9	Thi lại
12	2213180028	Từ Hải Dương	20/09/1996	02YS14B1	9.7	Đạt
13	2213180019	Trần Quốc Duy	03/10/1998	02YS14B1	1.8	Học lại
14	2213360050	Phạm Mỹ Duyên	04/12/2001	02YS14D1	1.9	Học lại
15	2213360269	Y Mut Êban	04/06/1991	02YS14D1	6.7	Đạt
16	2213180045	Nguyễn Hoàng Ngân Giang	26/12/1999	02YS14B1	1.9	Học lại
17	2213240177	Trương Thị Thúy Hà	07/01/2000	02YS14B1	1.8	Học lại
18	2213360303	Cao Thanh Hải	03/07/1990	02YS14D1	6.6	Đạt
19	2213240028	Trần Phúc Hậu	13/02/1996	02YS14B1	9.5	Đạt
20	2213240062	Trần Văn Hậu	26/06/2001	02YS14B1	9.1	Đạt
21	2213360369	Huỳnh Thị Kim Hồng	22/11/1994	02YS14D1	5.2	Đạt
22	2213240208	Nguyễn Văn Huân	21/10/1993	02YS14B1	1.9	Học lại
23	2213240100	Trần Thanh Hùng	18/12/2001	02YS14B1	6.9	Đạt
24	2203360136	Lý Phát Hưng	28/08/1984	02YS14D1	5.3	Đạt
25	2213240083	Nguyễn Ngọc Hương	11/10/1995	02YS14B1	8.9	Đạt
26	1213180013	Trần Hải Lâm	08/08/1999	02YS14B1	1.7	Học lại
27	2213180046	Nguyễn Mạnh Lâm	25/10/1989	02YS14B1	7.5	Đạt
28	2213180030	Trần Thị Thanh Lan	08/08/1993	02YS14B1	9.2	Đạt
29	2213180033	Phạm Thị Thùy Linh	05/04/1980	02YS14B1	6.4	Đạt
30	2213180035	Nguyễn Phạm Duy Linh	27/06/1991	02YS14B1	9.2	Đạt
31	2213180062	Bùi Văn Lý	21/11/1987	02YS14B1	7.7	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2

MÔN: Y HỌC CƠ SỞ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
32	2213240174	Vũ Thị Quỳnh Nga	30/09/1996	02YS14B1	1.7	Học lại
33	2213180021	Trần Đình Nghị	30/03/1990	02YS14B1	8.6	Đạt
34	2213240085	Phạm Hồng Ngọc	15/03/1993	02YS14B1	7.3	Đạt
35	2213240111	Đồng Xuân Nhi	07/04/1997	02YS14B1	6.7	Đạt
36	2213180037	Phạm Thị Tuyết Nhung	10/05/1984	02YS14B1	8.0	Đạt
37	2213240179	Đinh Hữu Pháp	13/03/1996	02YS14B1	8.4	Đạt
38	2213360040	Lý Minh Phụng	01/05/1998	02YS14D1	6.1	Đạt
39	2213360296	Lê Ngọc Anh Phụng	21/03/1998	02YS14B1	0.0	Học lại
40	2213240190	Nay Suna	24/05/1993	02YS14B1	8.0	Đạt
41	2213240098	Nguyễn Thành Tâm	28/12/1993	02YS14B1	8.8	Đạt
42	2213180065	Trần Hoài Tâm	24/12/1994	02YS14B1	8.9	Đạt
43	2213240002	Phạm Minh Tân	27/10/1997	02YS14B1	8.8	Đạt
44	2213180017	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	23/10/1980	02YS14B1	3.1	Thi lại
45	2213180041	Trần Trung Thịnh	20/05/1988	02YS14B1	8.7	Đạt
46	2213240171	Nhữ Văn Thọ	24/04/2003	02YS14B1	6.0	Đạt
47	2213360327	Võ Duy Thoại	22/06/1995	02YS14D1	8.8	Đạt
48	2213240133	Phạm Thị Mỹ Thư	20/11/2003	02YS14B1	1.7	Học lại
49	2213180013	Nguyễn Văn Thuận	20/06/1997	02YS14B1	8.4	Đạt
50	2213360057	Lê Thị Thủy	10/10/1999	02YS14D1	9.2	Đạt
51	2213240109	Triệu Ngân Thủy	15/04/1992	02YS14B1	9.2	Đạt
52	2213240059	Phạm Quang Trung	27/02/1988	02YS14B1	8.4	Đạt
53	2213240093	Đinh Ngọc Trường	14/10/1999	02YS14B1	7.4	Đạt
54	2213240176	Hà Xuân Trường	18/07/1994	02YS14B1	8.8	Đạt
55	2213180040	Võ Anh Văn	18/12/1982	02YS14B1	9.2	Đạt
56	2213180050	Lê Trọng Vinh	18/03/1988	02YS14B1	9.2	Đạt
57	2193360096	Nguyễn Huy Hoàng	20/02/2004	02DD12C1	5.5	Đạt
58	2193360100	Nguyễn Ngọc Anh Thư	28/06/2004	02DD12C1	4.9	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: SỨC KHỎE SINH SẢN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2213360089	Nguyễn Thị Kim Anh	02/01/1989	02YS14D1	6.7	Đạt
2	2213240068	Trương Thị Ngọc Ánh	29/10/2000	02YS14B1	5.4	Đạt
3	2203240146	Huỳnh Thị Ngọc Bích	15/11/1988	02YS14B1	6.9	Đạt
4	2213360174	Phan Thiện Bửu	13/06/1989	02YS14D1	4.5	Đạt
5	2213180029	Vũ Thành Công	20/11/1996	02YS14B1	6.5	Đạt
6	2213240040	Nguyễn Hồ Cương	11/11/1995	02YS14B1	4.3	Đạt
7	2213240026	Nguyễn Văn Cường	14/07/2002	02YS14B1	7.2	Đạt
8	2213180036	Kiều Công Danh	12/11/1985	02YS14B1	6.8	Đạt
9	2213180032	Nguyễn Thị Thùy Dung	03/04/1993	02YS14B1	5.3	Đạt
10	2213180028	Từ Hải Dương	20/09/1996	02YS14B1	8.2	Đạt
11	2213180019	Trần Quốc Duy	03/10/1998	02YS14B1	4.5	Đạt
12	2213360050	Phạm Mỹ Duyên	04/12/2001	02YS14D1	1.7	Học lại
13	2213360269	Y Mut Êban	04/06/1991	02YS14D1	6.1	Đạt
14	2213360303	Cao Thanh Hải	03/07/1990	02YS14D1	5.3	Đạt
15	2213240028	Trần Phúc Hậu	13/02/1996	02YS14B1	6.8	Đạt
16	2213240062	Trần Văn Hậu	26/06/2001	02YS14B1	6.8	Đạt
17	2213360369	Huỳnh Thị Kim Hồng	22/11/1994	02YS14D1	4.1	Đạt
18	2213240100	Trần Thanh Hùng	18/12/2001	02YS14B1	1.7	Học lại
19	2203360136	Lý Phát Hưng	28/08/1984	02YS14D1	4.1	Đạt
20	2213240083	Nguyễn Ngọc Hương	11/10/1995	02YS14B1	0.0	Học lại
21	1213180013	Trần Hải Lâm	08/08/1999	02YS14B1	4.7	Đạt
22	2213180046	Nguyễn Mạnh Lâm	25/10/1989	02YS14B1	7.4	Đạt
23	2213180030	Trần Thị Thanh Lan	08/08/1993	02YS14B1	9.0	Đạt
24	2213180033	Phạm Thị Thùy Linh	05/04/1980	02YS14B1	5.2	Đạt
25	2213180035	Nguyễn Phạm Duy Linh	27/06/1991	02YS14B1	8.0	Đạt
26	2213180062	Bùi Văn Lý	21/11/1987	02YS14B1	2.0	Học lại
27	2213180021	Trần Đình Nghị	30/03/1990	02YS14B1	7.2	Đạt
28	2213240085	Phạm Hồng Ngọc	15/03/1993	02YS14B1	6.5	Đạt
29	2213240111	Đồng Xuân Nhi	07/04/1997	02YS14B1	6.7	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: SỨC KHỎE SINH SẢN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
30	2213180037	Phạm Thị Tuyết Nhung	10/05/1984	02YS14B1	6.3	Đạt
31	2213240179	Đinh Hữu Pháp	13/03/1996	02YS14B1	6.6	Đạt
32	2213360040	Lý Minh Phụng	01/05/1998	02YS14D1	1.9	Học lại
33	2213360296	Lê Ngọc Anh Phụng	21/03/1998	02YS14B1	0.0	Học lại
34	2213240190	Nay Suna	24/05/1993	02YS14B1	7.2	Đạt
35	2213240098	Nguyễn Thành Tâm	28/12/1993	02YS14B1	6.1	Đạt
36	2213180065	Trần Hoài Tâm	24/12/1994	02YS14B1	6.7	Đạt
37	2213240002	Phạm Minh Tân	27/10/1997	02YS14B1	6.3	Đạt
38	2213180017	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	23/10/1980	02YS14B1	2.0	Học lại
39	2213180041	Trần Trung Thịnh	20/05/1988	02YS14B1	6.7	Đạt
40	2213240171	Nhữ Văn Thọ	24/04/2003	02YS14B1	1.4	Học lại
41	2213360327	Võ Duy Thoại	22/06/1995	02YS14D1	1.9	Học lại
42	2213180013	Nguyễn Văn Thuận	20/06/1997	02YS14B1	7.1	Đạt
43	2213360057	Lê Thị Thủy	10/10/1999	02YS14D1	7.7	Đạt
44	2213240109	Triệu Ngân Thủy	15/04/1992	02YS14B1	7.9	Đạt
45	2213240059	Phạm Quang Trung	27/02/1988	02YS14B1	0.0	Học lại
46	2213240093	Đinh Ngọc Trường	14/10/1999	02YS14B1	5.5	Đạt
47	2213240176	Hà Xuân Trường	18/07/1994	02YS14B1	5.4	Đạt
48	2213180040	Võ Anh Văn	18/12/1982	02YS14B1	6.8	Đạt
49	2213180050	Lê Trọng Vinh	18/03/1988	02YS14B1	5.9	Đạt
50	2203180078	Nguyễn Thị Hồng Nhung	15/03/1997	02YS13A1	7.0	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: BỆNH NỘI KHOA

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2213360089	Nguyễn Thị Kim Anh	02/01/1989	02YS14D1	8.5	Đạt
2	2213240068	Trương Thị Ngọc Ánh	29/10/2000	02YS14B1	7.0	Đạt
3	2203240146	Huỳnh Thị Ngọc Bích	15/11/1988	02YS14B1	7.9	Đạt
4	2213360174	Phan Thiện Bửu	13/06/1989	02YS14D1	6.9	Đạt
5	2213180029	Vũ Thành Công	20/11/1996	02YS14B1	9.2	Đạt
6	2213240040	Nguyễn Hồ Cương	11/11/1995	02YS14B1	6.8	Đạt
7	2213240026	Nguyễn Văn Cường	14/07/2002	02YS14B1	8.6	Đạt
8	2213180036	Kiều Công Danh	12/11/1985	02YS14B1	9.0	Đạt
9	2213180032	Nguyễn Thị Thùy Dung	03/04/1993	02YS14B1	2.5	Thi lại
10	2213180028	Từ Hải Dương	20/09/1996	02YS14B1	9.4	Đạt
11	2213180019	Trần Quốc Duy	03/10/1998	02YS14B1	8.8	Đạt
12	2213360050	Phạm Mỹ Duyên	04/12/2001	02YS14D1	1.9	Học lại
13	2213360269	Y Mut Êban	04/06/1991	02YS14D1	6.9	Đạt
14	2213360303	Cao Thanh Hải	03/07/1990	02YS14D1	7.8	Đạt
15	2213240028	Trần Phúc Hậu	13/02/1996	02YS14B1	8.5	Đạt
16	2213240062	Trần Văn Hậu	26/06/2001	02YS14B1	9.3	Đạt
17	2213360369	Huỳnh Thị Kim Hồng	22/11/1994	02YS14D1	7.6	Đạt
18	2213240100	Trần Thanh Hùng	18/12/2001	02YS14B1	7.3	Đạt
19	2203360136	Lý Phát Hưng	28/08/1984	02YS14D1	7.5	Đạt
20	2213240083	Nguyễn Ngọc Hương	11/10/1995	02YS14B1	0.0	Học lại
21	1213180013	Trần Hải Lâm	08/08/1999	02YS14B1	6.5	Đạt
22	2213180046	Nguyễn Mạnh Lâm	25/10/1989	02YS14B1	2.7	Thi lại
23	2213180030	Trần Thị Thanh Lan	08/08/1993	02YS14B1	9.5	Đạt
24	2213180033	Phạm Thị Thùy Linh	05/04/1980	02YS14B1	6.8	Đạt
25	2213180035	Nguyễn Phạm Duy Linh	27/06/1991	02YS14B1	9.2	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: BỆNH NỘI KHOA

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
26	2213180062	Bùi Văn Lý	21/11/1987	02YS14B1	8.2	Đạt
27	2213180021	Trần Đình Nghị	30/03/1990	02YS14B1	9.2	Đạt
28	2213240085	Phạm Hồng Ngọc	15/03/1993	02YS14B1	6.9	Đạt
29	2213240111	Đồng Xuân Nhi	07/04/1997	02YS14B1	7.1	Đạt
30	2213180037	Phạm Thị Tuyết Nhung	10/05/1984	02YS14B1	7.6	Đạt
31	2213240179	Đinh Hữu Pháp	13/03/1996	02YS14B1	7.9	Đạt
32	2213360040	Lý Minh Phụng	01/05/1998	02YS14D1	5.1	Đạt
33	2213360296	Lê Ngọc Anh Phụng	21/03/1998	02YS14B1	0.0	Học lại
34	2213240190	Nay Suna	24/05/1993	02YS14B1	8.0	Đạt
35	2213240098	Nguyễn Thành Tâm	28/12/1993	02YS14B1	7.3	Đạt
36	2213180065	Trần Hoài Tâm	24/12/1994	02YS14B1	8.8	Đạt
37	2213240002	Phạm Minh Tân	27/10/1997	02YS14B1	7.0	Đạt
38	2213180017	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	23/10/1980	02YS14B1	7.7	Đạt
39	2213180041	Trần Trung Thịnh	20/05/1988	02YS14B1	8.8	Đạt
40	2213240171	Nhữ Văn Thọ	24/04/2003	02YS14B1	8.4	Đạt
41	2213360327	Võ Duy Thoại	22/06/1995	02YS14D1	7.8	Đạt
42	2213180013	Nguyễn Văn Thuận	20/06/1997	02YS14B1	8.1	Đạt
43	2213360057	Lê Thị Thủy	10/10/1999	02YS14D1	9.0	Đạt
44	2213240109	Triệu Ngân Thủy	15/04/1992	02YS14B1	8.9	Đạt
45	2213240059	Phạm Quang Trung	27/02/1988	02YS14B1	0.0	Học lại
46	2213240093	Đinh Ngọc Trường	14/10/1999	02YS14B1	7.5	Đạt
47	2213240176	Hà Xuân Trường	18/07/1994	02YS14B1	7.0	Đạt
48	2213180040	Võ Anh Văn	18/12/1982	02YS14B1	8.0	Đạt
49	2213180050	Lê Trọng Vinh	18/03/1988	02YS14B1	8.4	Đạt